

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/ST-HNGĐ

Ngày: 30 - 9 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Ông Đặng Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2019/TLST ngày 30 tháng 12 năm 2019, về việc ly hôn;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1282/2020/QĐ-ST ngày 01/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 16, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Lê Duy K, sinh năm 1992 – Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại Nhật Bản theo địa chỉ: A – NA – MI – U – 3 – 75B – Urasato dai2manshon405 go Japan. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo khởi kiện đề ngày 06/12/2019 về việc xin ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Duy K yêu nhau và cả hai cùng đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L1, tỉnh Quảng Bình vào ngày 10/01/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thiếu sự thông cảm và tin tưởng lẫn nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Năm 2018 anh K đi nước ngoài mà không hề bàn bạc với chị L. Từ khi anh đi đến nay vợ chồng không

hề liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh K được ly hôn;

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Duy N1, sinh ngày 02/8/2012. Hiện con đang ở với chị , sau khi ly hôn nguyện vọng chị L xin được nuôi con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã nhận được công văn số 3804/QLXNC-P5 ngày 23/3/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Lê Duy K, với nội dung: Anh Lê Duy K đã xuất cảnh 03 lần, lần gần nhất vào ngày 05/9/2018, chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Ngày 12/02/2020, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình thực hiện việc uỷ thác tư pháp tại văn bản số 233/UTTPDS-TA46 cho Đại sứ quán của Việt Nam tại Tokyo Nhật Bản và văn bản số 184/UTTPDS-TA46 ngày 10/02/2020 để tổng đạt các giấy tờ của Toà án cho Lê Duy K. Ngày 30/6/2020, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được bản tự khai và đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con, đơn xin giải quyết vắng mặt của anh Lê Duy K.

** Bị đơn anh Lê Duy K có bản tự khai, đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con và đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 05/3/2020, được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản xác nhận, anh K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L có quá trình yêu nhau và kết hôn như chị L trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ không hợp nhau, vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau về tình cảm lẫn kinh tế, hiện vợ chồng không còn tình cảm nên anh có nguyện vọng yêu cầu Toà án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.*

Về con chung: Anh K khai thống nhất như chị L, vợ chồng có 01 con chung là Lê Duy N1, sinh ngày 02/8/2012. Hiện con đang ở với chị L, sau khi ly hôn nguyện vọng chị L xin được nuôi con, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ của ai và cũng không có ai nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L xác nhận anh K có điện thoại cho chị thông báo anh đồng ý ly hôn, anh đã có bản tự khai và đơn yêu cầu gửi cho Toà án. Nội dung bản tự khai do Toà án công bố đúng là nội dung trình bày của anh K và chữ ký tại bản tự khai đề ngày 05/3/2020, đúng là chữ ký của anh Lê Duy K chồng chị. Tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị L không rút đơn khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết cho chị và anh K được ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS, các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Lê Duy K được ly hôn. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê

Duy N cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn của Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 - Địa chỉ: Thôn 16, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đối với bị đơn anh Lê Duy K, sinh năm 1992 – Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã T, huyện L1, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại Nhật Bản theo địa chỉ: A – NA – MI – U – 3 – 75B – Urasato dai2manshon405 go Japan. Tại thời điểm Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết vụ án anh Lê Duy Khánh đang cư trú tại nước ngoài. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 476 BLTTDS Toà án thụ lý vụ án theo thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 474 BLTTDS đối với các đương sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có mặt. Bị đơn anh Lê Duy K có bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt gửi cho Toà án được Tổng lãnh sự quán của Việt Nam tại Nhật Bản xác nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 477 BLTTDS, theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Duy K yêu nhau và cả hai cùng đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L1, tỉnh Quảng Bình vào ngày 10/01/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, việc anh K đi nước ngoài chị hoàn toàn không biết. Chị L và anh K đều cho rằng nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thiếu sự thông cảm và tin tưởng lẫn nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Anh chị đều xác nhận tình cảm không còn, anh K có đơn trình bày đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con sau khi ly hôn được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản xác nhận.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh K đã đến mức trầm trọng, anh chị đều mong muốn được ly hôn để ai có cuộc sống riêng của người đó, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của chị L, anh K để cho anh chị được ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng chị L, anh K có 01 con chung là Lê Duy N1, sinh ngày 02/8/2012. Hiện con đang ở với chị L, sau khi ly hôn nguyện vọng chị L xin được nuôi con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con anh K đồng ý. Tại phiên tòa chị L trình bày chị có liên lạc với anh Khánh để bàn bạc việc

ly hôn thì anh K yêu cầu chị không được yêu cầu cấp dưỡng nuôi con anh K mới đồng ý ly hôn nên chị mới không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc anh K, chị L thoả thuận giao con chung cho Lê Duy N cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện nay của anh chị vì hiện nay chị L là người đang trực tiếp nuôi con, anh K đang ở nước ngoài, nên giao con cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của cha mẹ được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình: “*Cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Tại phiên toà, sau nghe khi Hội đồng xét xử giải thích về nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái nhưng chị L vẫn giữ ý kiến chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự thoả thuận của anh K, chị L. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thoả thuận của anh Lê Duy K và chị Nguyễn Thị L để giao con chung Lê Duy Ngọc cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L.

2.3. *Về quan hệ tài sản*: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Duy K không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 235, điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân, xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị L và anh Lê Duy K.

2. Về quan hệ con chung, xử: Công nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Lê Duy K: Giao con chung Lê Duy N, sinh ngày 02/8/2012 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L.

Anh K được quyền, nghĩa vụ thăm nom sóc con mà không ai được ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã

nộp tại biên lai số: AA/2017/0006827 ngày 25/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Chị L đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lê Duy K biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyển